

## DANH SÁCH XẾP LỚP HỌC SINH KHỐI 10 NĂM HỌC 2025-2026

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
1	17	Lê Mai Quỳnh	Anh	10C01	25T1	THCS Lý Tự Trọng
2	22	Nguyễn Duy	Anh	10C01	25T1	THCS Hà Huy Tập
3	25	Nguyễn Ngọc Gia	Anh	10C01	25T1	THCS Ngô Chí Quốc
4	32	Phạm Đăng Quốc	Anh	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Bé
5	34	Phạm Quỳnh	Anh	10C01	25T1	THCS Huỳnh Văn Nghệ
6	51	Nguyễn Huỳnh Gia	Bảo	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
7	56	Đặng Thanh	Bình	10C01	25T1	THCS Trương Công Định
8	72	Lưu Tuấn	Đạt	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
9	75	Trần Mạnh	Đạt	10C01	25T1	THCS Rạng Đông
10	68	Nguyễn Nhật Minh	Đăng	10C01	25T1	THCS Nguyễn Trãi
11	97	Nguyễn Thanh	Hà	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Trỗi
12	115	Trương Nguyên	Hạo	10C01	25T1	THCS Thanh Đa
13	125	Nguyễn Kim	Hoàng	10C01	25T1	THCS Rạng Đông
14	139	Đinh Nhật	Huy	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
15	146	Nguyễn Tấn Nhật	Huy	10C01	25T1	THCS An Phú Đông
16	153	Bùi Bảo	Khang	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
17	162	Mai Bình	Khang	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Nghi
18	473	Đỗ Gia	Khánh	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Nghi
19	184	Phạm Minh	Khôi	10C01	25T1	THCS Điện Biên
20	482	Nguyễn Ngọc Hải	Long	10C01	25T1	THCS Trần Quang Khải
21	219	Trần Xuân	Mai	10C01	25T1	THCS Rạng Đông
22	220	Lê Huỳnh Gia	Mẫn	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Bé
23	223	Phạm Đức	Minh	10C01	25T1	THCS Nguyễn Trãi
24	253	Nguyễn Lưu Khánh	Ngọc	10C01	25T1	THCS Thông Tây Hội
25	257	Trần Võ Minh	Ngọc	10C01	25T1	THCS Bình Quới Tây
26	277	Huỳnh Thị Yến	Nhi	10C01	25T1	THCS Rạng Đông
27	301	Hồ Phan Hoàng	Phúc	10C01	25T1	THCS Thanh Đa
28	309	Hà Mạnh	Phước	10C01	25T1	THCS Điện Biên
29	310	Hà Kỳ	Phương	10C01	25T1	THCS Bình Quới Tây
30	315	Lê Minh	Quân	10C01	25T1	THCS Cửu Long
31	331	Đinh Trường	Son	10C01	25T1	THCS Bình Lợi Trung
32	339	Lê Lưu Minh	Tân	10C01	25T1	THCS An Nhơn
33	342	Lê Văn	Thái	10C01	25T1	THCS Trần Quang Khải
34	349	Đặng Phước	Thành	10C01	25T1	THCS Võ Trường Toản
35	351	Nguyễn Ngọc Thanh	Thảo	10C01	25T1	THCS Rạng Đông
36	352	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10C01	25T1	THCS Quang Trung
37	353	Phạm Lê Thanh	Thảo	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
38	364	Nguyễn Hữu	Thịnh	10C01	25T1	THCS Phan Văn Trị
39	365	Nguyễn Quốc	Thịnh	10C01	25T1	THCS Thanh Đa
40	384	Lê Thị Mỹ Thanh	Tiền	10C01	25T1	THCS Bình Lợi Trung
41	407	Nguyễn Thụy Thanh	Trúc	10C01	25T1	THCS Quang Trung
42	414	Võ Đoàn Thiên	Tú	10C01	25T1	THCS Thanh Đa
43	417	Võ Quốc	Tuấn	10C01	25T1	THCS Nguyễn Hiền

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
44	422	Đình Ánh Tuyết	10C01	25T1	THCS Nguyễn Du
45	451	Vương Minh Khôi Vỹ	10C01	25T1	THCS Cù Chính Lan
46	454	Trần Hoàng Như Ý	10C01	25T1	THCS Nguyễn Văn Trỗi
47	455	Võ Như Ý	10C01	25T1	THCS Trường Sơn
48	5	Nguyễn Thị Hải An	10C02	25T1	THCS Cù Chính Lan
49	490	Hà Ngọc Thiên Anh	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
50	26	Nguyễn Ngọc Phương Anh	10C02	25T1	THCS Cù Chính Lan
51	33	Phạm Quốc Anh	10C02	25T1	THCS Tân Sơn
52	41	Vũ Ngọc Minh Anh	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
53	47	Hoàng Gia Bảo	10C02	25T1	THCS Phan Tây Hồ
54	48	Huỳnh Gia Bảo	10C02	25T1	THCS Lam Sơn
55	54	Vũ Gia Bảo	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
56	86	Nguyễn Phương Duy	10C02	25T1	THCS Trường Sơn
57	64	Dương Phạm Đan	10C02	25T1	THCS Lam Sơn
58	77	Nguyễn Đạt Đức	10C02	25T1	THCS Điện Biên
59	91	Vũ Hoàng Gia	10C02	25T1	THCS Nguyễn Văn Nghi
60	98	Phạm Nguyễn Khánh Hà	10C02	25T1	THCS Điện Biên
61	126	Phạm Huy Hoàng	10C02	25T1	THCS Thông Tây Hội
62	137	Trịnh Thị Lan Hương	10C02	25T1	THCS Bình Lợi Trung
63	150	Trần Minh Hy	10C02	25T1	THCS Đống Đa
64	156	Đặng Bảo Khang	10C02	25T1	THCS Lý Tự Trọng
65	172	Huỳnh Lê Đăng Khoa	10C02	25T1	THCS Điện Biên
66	180	Võ Anh Khoa	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
67	185	Trần Phạm Đăng Khôi	10C02	25T1	THCS Thanh Đa
68	189	Nguyễn Tuấn Kiệt	10C02	25T1	THCS Lê Văn Tám
69	477	Lâm Bảo Thiên Kim	10C02	25T1	THCS Lam Sơn
70	190	Lê Vũ Hoàng Kim	10C02	25T1	THCS Bình Lợi Trung
71	200	Lê Trần Trúc Linh	10C02	25T1	THCS Tân Sơn
72	215	Phí Bảo Long	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
73	212	Vũ Gia Lộc	10C02	25T1	THCS Phan Tây Hồ
74	491	Lê Anh Minh	10C02	25T1	THCS Nguyễn Văn Nghi
75	238	Phạm Tuyết Ngân	10C02	25T1	THCS Đặng Thúc Vịnh
76	279	Lê Hân Nhi	10C02	25T1	THCS Trần Văn On
77	295	Cung Đình Phong	10C02	25T1	THCS Thanh Đa
78	296	Trần Anh Phong	10C02	25T1	THCS Hà Huy Tập
79	299	Nguyễn Vĩnh Phú	10C02	25T1	THCS Bình Quới Tây
80	307	Nguyễn Trần Quốc Phụng	10C02	25T1	THCS Thanh Đa
81	311	Vũ Lan Phương	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
82	314	Đào Minh Quân	10C02	25T1	THCS Bình Lợi Trung
83	333	Nguyễn Thế Sơn	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
84	340	Tống Duy Tân	10C02	25T1	THCS Cù Chính Lan
85	343	Nguyễn Phước Thái	10C02	25T1	THCS Lam Sơn
86	344	Nguyễn Quốc Thái	10C02	25T1	THCS Nguyễn Trãi
87	346	Phùng Đình Quang Thanh	10C02	25T1	THCS Nguyễn An Ninh
88	357	Trần Quốc Thiên	10C02	25T1	THCS Ngô Chí Quốc

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
89	360	Nguyễn Xuân	Thiện	10C02	25T1	THCS Đống Đa
90	370	Đỗ Ngọc Song	Thư	10C02	25T1	THCS Tam Bình
91	373	Nguyễn Lê Kim	Thư	10C02	25T1	THCS Thanh Đa
92	387	Nguyễn Minh	Toàn	10C02	25T1	THCS Bình Lợi Trung
93	397	Lê Bảo	Trân	10C02	25T1	THCS Lạc Long Quân
94	400	Hoàng Hữu	Trí	10C02	25T1	THCS Nguyễn Văn Bé
95	410	Nguyễn Cao Minh	Trung	10C02	25T1	THCS Điện Biên
96	444	Nguyễn Trần Phương	Vy	10C02	25T1	THCS An Nhơn
97	3	Nguyễn Phạm Phương	An	10C03	25T2	THCS Quang Trung
98	7	Trần Kim Quốc	An	10C03	25T2	THCS Bình Quới Tây
99	14	Đào Hoàng Hải	Anh	10C03	25T2	THCS Đống Đa
100	20	Lê Vân	Anh	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
101	24	Nguyễn Lê	Anh	10C03	25T2	THCS Trần Văn On
102	44	Đặng Hoàng Gia	Bảo	10C03	25T2	THCS Nguyễn Văn Nghi
103	62	Từ Quyết	Chiến	10C03	25T2	THCS Trường Sơn
104	85	Nguyễn	Duy	10C03	25T2	THCS Quang Trung
105	67	Nguyễn Lý Thái	Đặng	10C03	25T2	THCS Điện Biên
106	78	Nguyễn Đình	Đức	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
107	92	Lê Hương	Giang	10C03	25T2	THCS Phan Văn Trị
108	101	Đỗ Thanh	Hải	10C03	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
109	469	Phạm Lê Trí	Hải	10C03	25T2	THCS Thanh Đa
110	119	Hoàng Trung	Hiếu	10C03	25T3	THCS Đống Đa
111	131	Hà Thiên Phi	Hùng	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
112	140	Lê Nhật	Huy	10C03	25T2	THCS Rạng Đông
113	147	Nguyễn Thế Anh	Huy	10C03	25T3	THCS Trương Công Định
114	152	Trần Nguyễn Quốc	Kha	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
115	155	Châu Vỹ	Khang	10C03	25T2	THCS Bình Quới Tây
116	165	Nguyễn Ngọc Nguyên	Khang	10C03	25T2	THCS Đống Đa
117	177	Phạm Anh	Khoa	10C03	25T2	THCS Lê Văn Tám
118	187	Nguyễn Minh	Khuê	10C03	25T2	THCS Nguyễn Du
119	474	Hà Nguyễn Tuấn	Kiệt	10C03	25T2	THCS Phan Tây Hồ
120	197	Trần Đại	Lâm	10C03	25T2	THCS Thanh Đa
121	206	Nguyễn Phương	Linh	10C03	25T2	THCS An Nhơn
122	214	Nguyễn Quang	Long	10C03	25T2	THCS Thanh Đa
123	216	Vũ Sơn	Long	10C03	25T2	THCS Thanh Đa
124	232	Nguyễn Thành	Nam	10C03	25T2	THCS Thanh Đa
125	233	Hà Gia Kim	Ngân	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
126	243	Đỗ Võ Phước	Nghĩa	10C03	25T3	THCS Đống Đa
127	259	Võ Kim	Ngọc	10C03	25T2	THCS Lý Tự Trọng
128	265	Lương Thảo	Nguyên	10C03	25T3	THCS Trần Văn On
129	481	Phạm Duy	Nguyên	10C03	25T2	THCS Võ Trường Toản
130	283	Bùi Nguyệt	Như	10C03	25T3	THCS Lê Văn Tám
131	297	Hồ An	Phú	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
132	304	Nguyễn Hoàng	Phúc	10C03	25T2	THCS Phan Tây Hồ
133	313	Nguyễn Ngọc	Phượng	10C03	25T2	THCS Văn Lang

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
134	348	Trần Nguyễn Ngọc	Thanh	10C03	25T2	THCS Rạng Đông
135	363	Lâm Phước	Thịnh	10C03	25T3	THCS Thanh Đa
136	368	Nguyễn Hoàng	Thông	10C03	25T3	THCS Lý Tự Trọng
137	372	Lê Đức Anh	Thư	10C03	25T2	THCS Phạm Văn Chiêu
138	381	Bùi Cao	Tiến	10C03	25T2	THCS Nguyễn Văn Trỗi
139	386	Lê Trí	Tín	10C03	25T2	THCS Cù Chính Lan
140	396	Trần Khả	Trân	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
141	401	Trần Minh	Trí	10C03	25T2	THCS Bình Lợi Trung
142	409	Trần Thanh	Trúc	10C03	25T2	THCS Quang Trung
143	416	Nguyễn Cao	Tuấn	10C03	25T2	THCS An Nhơn
144	431	Nguyễn Chấn	Võ	10C03	25T2	THCS Phú Mỹ
145	6	Trần Hoài	An	10C04	25T2	THCS Bình Quới Tây
146	30	Nguyễn Thiện	Anh	10C04	25T2	THCS An Nhơn
147	13	Phạm Thiên	Ân	10C04	25T2	THCS Bình Lợi Trung
148	45	Đoàn Gia	Bảo	10C04	25T3	THCS Lý Tự Trọng
149	50	Nguyễn Hoài	Bảo	10C04	25T2	THCS Cửu Long
150	59	Lê Phạm Bảo	Châu	10C04	25T3	THCS Quang Trung
151	476	Nguyễn Trọng	Diên	10C04	25T3	THCS Nguyễn Hiền
152	90	Dương Phúc	Duyên	10C04	25T3	THCS Phan Tây Hồ
153	83	Hà Thị Thuỳ	Dương	10C04	25T3	THCS Nguyễn Văn Bé
154	65	Quách Đan	Đan	10C04	25T3	THCS Nguyễn Văn Nghi
155	69	Vũ Hải	Đăng	10C04	25T3	THCS Cù Chính Lan
156	80	Trần Minh	Đức	10C04	25T2	THCS Lý Tự Trọng
157	100	Võ Thị Ngọc	Hà	10C04	25T2	THCS Bình Lợi Trung
158	109	Phạm Huỳnh Ngọc	Hân	10C04	25T3	THCS Đống Đa
159	120	Phan Đình	Hiếu	10C04	25T3	THCS Ngô Chí Quốc
160	141	Lê Tổng Gia	Huy	10C04	25T2	THCS Cù Chính Lan
161	142	Nguyễn Bá	Huy	10C04	25T3	THCS Nguyễn Du
162	158	Hoàng Minh	Khang	10C04	25T2	THCS Thanh Đa
163	159	Huỳnh Minh	Khang	10C04	25T2	THCS Lam Sơn
164	178	Phạm Ngọc Đăng	Khoa	10C04	25T2	THCS Phạm Văn Chiêu
165	179	Phan Minh	Khoa	10C04	25T2	THCS Phan Tây Hồ
166	182	Nguyễn Nguyên	Khôi	10C04	25T2	THCS Bình Quới Tây
167	198	Phạm Bảo Ngọc	Lan	10C04	25T3	THCS Lê Văn Tám
168	195	Lê Nguyễn Trúc	Lâm	10C04	25T2	THCS Đống Đa
169	224	Trần Thị Ngọc	Minh	10C04	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
170	226	Nguyễn Phạm Nhã	My	10C04	25T2	THCS Huỳnh Văn Nghệ
171	230	Đình Hoàng	Nam	10C04	25T2	THCS Đống Đa
172	234	Mai Thị Hoàng	Ngân	10C04	25T3	THCS Lý Tự Trọng
173	245	Lê Nguyễn Trọng	Nghĩa	10C04	25T3	THCS Lê Văn Tám
174	254	Tô Thế	Ngọc	10C04	25T2	THCS Lý Tự Trọng
175	260	Võ Lê Hồng	Ngọc	10C04	25T3	THCS Nguyễn Văn Nghi
176	267	Nguyễn Ngọc Phúc	Nguyên	10C04	25T3	THCS Đống Đa
177	286	Nguyễn Tâm	Như	10C04	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
178	290	Tạ Công	Phát	10C04	25T2	THCS Nguyễn Trãi

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
179	302	Hoàng Tiến	Phúc	10C04	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
180	306	Phạm Việt	Phúc	10C04	25T2	THCS Võ Trường Toản
181	318	Nguyễn Minh	Quang	10C04	25T2	THCS Điện Biên
182	319	Phan Nguyễn Minh	Quang	10C04	25T3	THCS Đống Đa
183	316	Nguyễn Minh	Quân	10C04	25T2	THCS Bình Lợi Trung
184	336	Võ Tấn	Tài	10C04	25T2	THCS Trường Sơn
185	350	Lê Quan Bình	Thạnh	10C04	25T2	THCS Bình Lợi Trung
186	356	Nguyễn Việt Nhật	Thiên	10C04	25T2	THCS Bình Lợi Trung
187	366	Nguyễn Trần Ngọc	Thịnh	10C04	25T2	THCS Phú Mỹ
188	377	Nguyễn Phan Gia	Thuận	10C04	25T2	THCS An Nhơn
189	378	Võ Đông	Thúc	10C04	25T2	THCS Phan Tây Hồ
190	382	Lê Đình	Tiến	10C04	25T2	THCS Cù Chính Lan
191	434	Nguyễn Trần Quốc	Vương	10C04	25T2	THCS Phạm Văn Chiêu
192	437	Đoàn Tuyết	Vy	10C04	25T2	THCS Phan Tây Hồ
193	479	Tô Nguyễn Thanh	Xuân	10C04	25T3	THCS Lê Văn Tám
194	2	Lưu Huỳnh	An	10C05	25T3	THCS Quang Trung
195	21	Lương Ngọc Kiều	Anh	10C05	25T2	THCS Tam Bình
196	27	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	10C05	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
197	42	Trịnh Văn Tuấn	Anh	10C05	25T2	THCS Gò Vấp
198	52	Nguyễn Huỳnh Quốc	Bảo	10C05	25T2	THCS Cửu Long
199	70	Dương Thế	Danh	10C05	25T2	THCS Cù Chính Lan
200	87	Phạm Lê Anh	Duy	10C05	25T3	THCS Cù Chính Lan
201	88	Trịnh Quốc	Duy	10C05	25T3	THCS Bình Lợi Trung
202	114	Trần Lê Phú	Hào	10C05	25T2	THCS Nguyễn Hiền
203	117	Đào Phúc	Hiệp	10C05	25T2	THCS Phan Tây Hồ
204	118	Hồ Thanh	Hiếu	10C05	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
205	124	Nguyễn	Hoàng	10C05	25T3	THCS Thanh Đa
206	130	Đoàn Nguyễn Đức	Hùng	10C05	25T3	THCS Nguyễn Hiền
207	133	Trương Thủy Thanh	Hùng	10C05	25T2	THCS An Nhơn
208	145	Nguyễn Minh	Huy	10C05	25T2	THCS Bình Quới Tây
209	148	Tiêu Mạnh	Huy	10C05	25T3	THCS An Nhơn
210	151	Dương Bảo	Kha	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
211	161	Lữ Hoàng	Khang	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
212	163	Ngô Nguyễn Phúc	Khang	10C05	25T2	THCS Bình Lợi Trung
213	183	Phạm Hoàng Minh	Khôi	10C05	25T2	THCS Văn Lang
214	188	Lê Hiếu	Kiên	10C05	25T3	THCS An Nhơn
215	191	Nguyễn Huỳnh Bảo	Lam	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
216	202	Nguyễn Hoàng Mai	Linh	10C05	25T2	THCS Đống Đa
217	201	Nguyễn Hồ Nhật	Linh	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
218	204	Nguyễn Mai	Linh	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Nghi
219	205	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	10C05	25T2	THCS Phan Tây Hồ
220	207	Nguyễn Thùy	Linh	10C05	25T2	THCS Rạng Đông
221	241	Nguyễn Đỗ Phương	Nghi	10C05	25T2	THCS Lam Sơn
222	488	Nguyễn Lâm Gia	Nghi	10C05	25T2	THCS Đặng Thúc Vịnh
223	242	Wong Tịnh	Nghi	10C05	25T2	THCS Lý Phong

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
224	249	Nguyễn Văn Trọng	Nghĩa	10C05	25T2	THCS Bình Lợi Trung
225	251	Lê Trần Hồng	Ngọc	10C05	25T2	THCS Bình Quới Tây
226	263	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	10C05	25T3	THCS Ngô Chí Quốc
227	266	Nguyễn Hoàng	Nguyên	10C05	25T2	THCS An Nhơn
228	269	Đỗ Minh	Nguyệt	10C05	25T3	THCS An Nhơn
229	471	Trần	Nhân	10C05	25T2	
230	293	Lê Nguyễn Kim	Phát	10C05	25T2	THCS Đặng Thúc Vịnh
231	300	Trần Ngọc	Phú	10C05	25T2	THCS Thanh Đa
232	303	Ngô Thiên	Phúc	10C05	25T2	THCS Nguyễn Trãi
233	326	Đặng Như	Quỳnh	10C05	25T3	THCS Nguyễn Trãi
234	328	Nguyễn Phạm Như	Quỳnh	10C05	25T2	THCS Lý Tự Trọng
235	472	Lê Thị Kiều	Tiên	10C05	25T2	
236	385	Đỗ Trung	Tín	10C05	25T3	THCS Thanh Đa
237	391	Lê Đoàn Phương	Trâm	10C05	25T2	THCS Nguyễn Văn Bé
238	403	Đặng Hoàng Anh	Triết	10C05	25T2	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu
239	411	Nguyễn Minh	Trung	10C05	25T3	THCS Trần Quang Khải
240	420	Nguyễn Danh Cát	Tường	10C05	25T2	THCS Ngô Chí Quốc
241	439	Lê Ngọc Thuý	Vy	10C05	25T2	THCS An Nhơn
242	449	Âu Văn	Vỹ	10C05	25T2	THCS Rạng Đông
243	9	Võ Phạm Quỳnh	An	10C06	25X2	THCS Tân Sơn
244	16	Lã Phạm Quỳnh	Anh	10C06	25X2	THCS Lý Tự Trọng
245	18	Lê Tú	Anh	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
246	19	Lê Tuấn	Anh	10C06	25X2	THCS Bình Lợi Trung
247	458	Nguyễn Hồ Mỹ	Anh	10C06	25X2	THCS Rạng Đông
248	28	Nguyễn Quốc	Anh	10C06	25X2	THCS Phan Tây Hồ
249	31	Nguyễn Văn	Anh	10C06	25X2	THCS Hà Huy Tập
250	57	Thổ Tân	Bình	10C06	25X2	THCS Phú Mỹ
251	81	Hồ Chí	Dũng	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
252	89	Lê Đăng	Duy	10C06	25X2	THCS Gò Vấp
253	102	Nguyễn Lê Minh	Hải	10C06	25X2	THCS An Nhơn
254	462	Lâm Nhật	Hào	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
255	107	Nguyễn Gia	Hân	10C06	25X2	THCS Phan Bội Châu
256	111	Võ Thị Gia	Hân	10C06	25X2	THCS Quang Trung
257	127	Trần Minh	Hoàng	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Trỗi
258	129	Nguyễn Ngọc Mi	Hồng	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
259	138	Đặng Nguyễn Quốc	Huy	10C06	25X2	THCS Lý Tự Trọng
260	483	Phạm Tuấn	Hưng	10C06	25X2	THCS Nguyễn Trãi
261	135	Nguyễn Thị Thu	Hương	10C06	25X2	THCS Đống Đa
262	136	Nguyễn Võ Quỳnh	Hương	10C06	25X2	THCS Thanh Đa
263	157	Hồ Nguyên	Khang	10C06	25X2	THCS Lý Tự Trọng
264	167	Trần Nguyên	Khang	10C06	25X2	THCS Trương Công Định
265	168	Võ Đình Duy	Khang	10C06	25X2	THCS Huỳnh Văn Nghệ
266	170	Phạm Ngân	Khánh	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
267	176	Nguyễn Tuấn Anh	Khoa	10C06	25X2	THCS Điện Biên
268	186	Vũ Mai	Khôi	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
269	196	Phong Vũ Hoàng	Lâm	10C06	25X2	THCS Đống Đa
270	246	Nguyễn Trọng	Nghĩa	10C06	25X2	THCS Nguyễn Trung Trực
271	262	Đỗ Hoàng	Nguyên	10C06	25X2	THCS Phan Tây Hồ
272	273	Đỗ Đức	Nhất	10C06	25X2	THCS Tân Sơn
273	284	Lương Ngọc Quỳnh	Như	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
274	291	Trần Lâm Minh	Phát	10C06	25X2	THCS Cù Chính Lan
275	292	Từ Hoàng	Phát	10C06	25X2	THCS Điện Biên
276	312	Đào Thị Kim	Phượng	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
277	327	Lê Thị Mỹ	Quỳnh	10C06	25X2	THCS Bình Quới Tây
278	332	Nguyễn Đức	Son	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
279	334	Lư Chí	Tài	10C06	25X2	THCS Cù Chính Lan
280	335	Nguyễn Vũ	Tài	10C06	25X2	THCS Trương Công Định
281	337	Lê Nguyễn Thanh	Tâm	10C06	25X2	THCS Điện Biên
282	359	Nguyễn Ngọc Đức	Thiện	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Bé
283	361	Phạm Minh	Thiện	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
284	375	Trương Ngọc Anh	Thư	10C06	25X2	THCS Cù Chính Lan
285	484	Nguyễn Trịnh Bảo	Trâm	10C06	25X2	THCS Nguyễn Trãi
286	402	Bùi Minh	Triết	10C06	25X2	THCS Đống Đa
287	408	Trần Nguyễn Thuý	Trúc	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
288	421	Phan Cát	Tường	10C06	25X2	THCS Đống Đa
289	433	Nguyễn Minh	Vũ	10C06	25X2	THCS Gò Vấp
290	435	Châu Ngọc Phương	Vy	10C06	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
291	452	Đặng Như	Ý	10C06	25X2	THCS Nguyễn Du
292	453	Nguyễn Thị Như	Ý	10C06	25X2	THCS Huỳnh Văn Nghệ
293	4	Nguyễn Phạm Thanh	An	10C07	25X2	THCS Rạng Đông
294	15	Đỗ Hải	Anh	10C07	25X2	THCS An Nhơn
295	457	Lê Đức	Anh	10C07	25X2	THCS Rạng Đông
296	29	Nguyễn Quỳnh	Anh	10C07	25X2	THCS Trương Công Định
297	36	Tạ Nguyễn Phương	Anh	10C07	25X2	THCS Cửu Long
298	37	Tạ Thị Phương	Anh	10C07	25X2	THCS Bình Lợi Trung
299	39	Trần Lê Bảo	Anh	10C07	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
300	11	Nguyễn Vũ Nhất	Ân	10C07	25X2	THCS Phú Mỹ
301	12	Nguyễn Vũ Nhị	Ân	10C07	25X2	THCS Phú Mỹ
302	49	Lê Thành Thế	Bảo	10C07	25X2	THCS Bình Quới Tây
303	485	Lý Trung	Cường	10C07	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
304	82	Lương Huỳnh Trí	Dũng	10C07	25X2	THCS Sương Nguyệt Anh
305	84	Đỗ Anh	Duy	10C07	25X2	THCS Điện Biên
306	461	Lý Chính	Dương	10C07	25X2	THCS Bình Quới Tây
307	66	Nguyễn Lê Hải	Đăng	10C07	25X2	THCS Phan Tây Hồ
308	105	Lương Bảo	Hân	10C07	25X2	THCS và THPT Hoa Sen
309	106	Nguyễn Diệp	Hân	10C07	25X2	THCS Đống Đa
310	108	Nguyễn Gia	Hân	10C07	25X2	THCS Đống Đa
311	489	Trần Nguyễn Bảo	Hân	10C07	25X2	THCS Phan Tây Hồ
312	121	Trương Khang	Hiếu	10C07	25X2	THCS Điện Biên
313	128	Nguyễn Hữu	Hoàng	10C07	25X2	THCS Gò Vấp

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
314	149	Lê Nguyễn Khánh	Huyền	10C07	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
315	164	Nguyễn	Khang	10C07	25X2	THCS Bình Lợi Trung
316	193	Nguyễn Ngọc	Lam	10C07	25X2	THCS Bình Lợi Trung
317	208	Phạm Ngô Thuỳ	Linh	10C07	25X2	THCS Lam Sơn
318	209	Trương Nguyễn Cát	Linh	10C07	25X2	THCS Cửu Long
319	213	Nguyễn Nhật	Long	10C07	25X2	THCS Bình Lợi Trung
320	222	Nguyễn Thiện	Minh	10C07	25X2	THCS Văn Lang
321	225	Đình Ngọc Bảo	My	10C07	25X2	THCS Trần Văn On
322	227	Trần Pha	My	10C07	25X2	TH, THCS và THPT Quốc tế Á Châu
323	228	Vũ Lê Nga	My	10C07	25X2	THCS Lý Tự Trọng
324	236	Phạm Trần Thanh	Ngân	10C07	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
325	256	Trần Nguyễn Như	Ngọc	10C07	25X2	THCS Bình Quới Tây
326	264	Lữ Phúc	Nguyên	10C07	25X2	THCS Nguyễn Văn Nghi
327	268	Nguyễn Thảo	Nguyên	10C07	25X2	THCS Phan Tây Hồ
328	275	Nguyễn Trần Minh	Nhật	10C07	25X2	THCS Đống Đa
329	475	Hoàng Vũ	Phong	10C07	25X2	THCS Nguyễn Trung Trực
330	298	Lý Minh	Phú	10C07	25X2	THCS Quang Trung
331	305	Phạm Nguyễn Gia	Phúc	10C07	25X2	THCS Võ Trường Toản
332	322	Nguyễn Hoàng Thuý	Quyên	10C07	25X2	THCS Lam Sơn
333	338	Cao Nhật	Tân	10C07	25X2	THCS Bình Quới Tây
334	341	Hà Cao	Thái	10C07	25X2	THCS Bình Lợi Trung
335	358	Đoàn Quang	Thiện	10C07	25X2	THCS Cù Chính Lan
336	399	Phạm Hoàng Uyên	Trang	10C07	25X2	THCS Nguyễn Hiền
337	395	Đỗ Trần Bảo	Trần	10C07	25X2	THCS Thanh Đa
338	404	Huỳnh Minh	Triết	10C07	25X2	THCS Lam Sơn
339	405	Dương Duy Thanh	Trúc	10C07	25X2	THCS Đống Đa
340	412	Phùng Trí	Trường	10C07	25X2	THCS Thanh Đa
341	415	Huỳnh Lê Thái	Tuấn	10C07	25X2	PTDL Hermann Gmeiner
342	427	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	10C07	25X2	THCS Quang Trung
343	1	Lâm Quốc	An	10C08	25X1	THCS Thanh Đa
344	40	Trương Hoàng	Anh	10C08	25X1	THCS Rạng Đông
345	53	Trần Phạm Ngọc	Bảo	10C08	25X3	THCS Hà Huy Tập
346	60	Trần Đình Bảo	Châu	10C08	25X3	THCS Nguyễn Văn Nghi
347	61	Nguyễn Song Uyển	Chi	10C08	25X3	THCS Thanh Đa
348	63	Nguyễn Quốc	Cường	10C08	25X3	THCS Điện Biên
349	487	Bùi Đăng	Dương	10C08	25X3	THCS Nguyễn Huệ
350	73	Nguyễn Thành	Đạt	10C08	25X3	THCS Bình Lợi Trung
351	74	Quách Thành	Đạt	10C08	25X1	THCS Nguyễn Văn Bé
352	95	Trần Nguyễn Tùng	Giang	10C08	25X3	THCS Ngô Chí Quốc
353	99	Võ Ngân	Hà	10C08	25X1	THCS Bình Quới Tây
354	112	Tạ Mỹ	Hạnh	10C08	25X1	THCS An Nhơn
355	143	Nguyễn Đức	Huy	10C08	25X3	THCS Lê Quý Đôn
356	144	Nguyễn Huỳnh Gia	Huy	10C08	25X3	THCS Cù Chính Lan
357	134	Nguyễn Thị Diễm	Hương	10C08	25X3	THCS Hiệp Bình
358	160	Lê Phú Gia	Khang	10C08	25X1	THCS Bình Lợi Trung

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
359	210	Võ Mai	Linh	10C08	25X3	THCS Điện Biên
360	231	Lê Thanh	Nam	10C08	25X1	THCS Nguyễn Văn Nghi
361	258	Trịnh Bảo	Ngọc	10C08	25X1	THCS Quang Trung
362	270	Lê Xuân	Nhã	10C08	25X3	THCS Phan Tây Hồ
363	271	Lê Trọng	Nhân	10C08	25X1	THCS Cù Chính Lan
364	276	Trần Nguyễn Minh	Nhật	10C08	25X1	THCS Nguyễn Du
365	463	Lê Phương Uyên	Nhi	10C08	25X3	THCS Bình Quới Tây
366	281	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	10C08	25X1	THCS Quang Trung
367	478	Nguyễn Phương Gia	Phát	10C08	25X3	THCS Cù Chính Lan
368	321	Hứa Minh Hạnh	Quyên	10C08	25X3	THCS Phú Mỹ
369	329	Trình Thị Như	Quỳnh	10C08	25X1	THCS Bình Lợi Trung
370	330	Hoàng Thanh	Sang	10C08	25X3	THCS Trương Công Định
371	347	Trần Hồ Minh	Thanh	10C08	25X3	THCS An Nhơn
372	354	Trần Hoàng Phúc	Thảo	10C08	25X3	THCS Quang Trung
373	466	Nguyễn Hoàng Anh	Thắng	10C08	25X1	THCS Cù Chính Lan
374	345	Phạm Xuân	Thắng	10C08	25X3	THCS Trương Công Định
375	362	Trương Văn	Thiện	10C08	25X1	THCS Bình Lợi Trung
376	376	Vũ Anh	Thư	10C08	25X3	THCS Gò Vấp
377	383	Nguyễn Đức	Tiến	10C08	25X3	THCS Phú Mỹ
378	392	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	10C08	25X1	THCS Nguyễn Văn Bé
379	393	Nguyễn Ngọc Huyền	Trâm	10C08	25X1	THCS Nguyễn Văn Nghi
380	406	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	10C08	25X3	THCS Cù Chính Lan
381	425	Nguyễn Huỳnh Phương	Uyên	10C08	25X1	THCS Thanh Đa
382	438	Huỳnh Phương	Vy	10C08	25X1	THCS Bình Quới Tây
383	445	Nguyễn Trần Yến	Vy	10C08	25X1	THCS Nguyễn Văn Nghi
384	448	Trần Thảo	Vy	10C08	25X3	THCS Thanh Đa
385	8	Trương Nguyễn Khánh	An	10C09	25X3	THCS Trần Văn On
386	23	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	10C09	25X3	THCS Nguyễn Trãi
387	35	Phan Quỳnh	Anh	10C09	25X3	THCS Thanh Đa
388	43	Võ Huỳnh Hoàng	Bách	10C09	25X3	THCS Đống Đa
389	46	Hà Gia	Bảo	10C09	25X3	THCS Điện Biên
390	55	Nguyễn Ngọc	Bích	10C09	25X3	THCS Đống Đa
391	58	Trần Thiên Nhã	Ca	10C09	25X1	THCS Đống Đa
392	71	Lã Hoàng Gia	Đạt	10C09	25X1	THCS Nguyễn Du
393	76	Huỳnh Ngọc	Điền	10C09	25X3	THCS Bình Lợi Trung
394	93	Nguyễn Thụy Hương	Giang	10C09	25X3	THCS Phan Văn Trị
395	486	Đoàn Ngọc Khánh	Hà	10C09	25X3	THCS Nguyễn Văn Nghi
396	103	Nguyễn Ngọc Thanh	Hải	10C09	25X3	THCS Cù Chính Lan
397	116	Nguyễn Hồng Phúc	Hậu	10C09	25X3	THCS Bình Quới Tây
398	123	Trần Ngân	Hoà	10C09	25X3	THCS Phú Mỹ
399	171	Tô Ngân	Khánh	10C09	25X1	THCS Bình Quới Tây
400	181	Nguyễn Anh	Khôi	10C09	25X3	THCS Bình Lợi Trung
401	194	Đào Vũ Tuấn	Lâm	10C09	25X3	THCS Nguyễn Văn Bé
402	199	Đỗ Mai	Linh	10C09	25X3	THCS Bình Lợi Trung
403	203	Nguyễn Kiều Phương	Linh	10C09	25X3	THCS Lý Tự Trọng

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên		Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
404	480	Nguyễn Phương	Linh	10C09	25X3	THCS Đông Thạnh
405	217	Đặng Hoàng Thế	Luân	10C09	25X3	THCS Bình Lợi Trung
406	470	Nguyễn Bảo	My	10C09	25X3	Bảo lưu
407	235	Ngô Thị Thu	Ngân	10C09	25X3	THCS Đồng Đa
408	244	Dương Minh	Nghĩa	10C09	25X3	THCS Rạng Đông
409	250	Đường Nguyễn Khánh	Ngọc	10C09	25X3	THCS Huỳnh Văn Nghệ
410	255	Trần Khánh	Ngọc	10C09	25X3	THCS Điện Biên
411	274	Hồ Việt Đông	Nhật	10C09	25X1	THCS Cù Chính Lan
412	285	Nguyễn Hà Huỳnh	Như	10C09	25X3	THCS Lê Văn Tám
413	464	Nguyễn Trần Nguyên	Phúc	10C09	25X3	THCS Rạng Đông
414	355	Trần Phương	Thảo	10C09	25X3	THCS Đồng Đa
415	374	Phạm Thanh	Thư	10C09	25X3	THCS Trường Sơn
416	380	Phan Cát	Tiên	10C09	25X1	THCS Đồng Đa
417	388	Lương Thanh	Trà	10C09	25X3	THCS Nguyễn Trung Trực
418	389	Nguyễn Vi Hương	Trà	10C09	25X3	THCS Hà Huy Tập
419	413	Lê Hoàng Phương	Tú	10C09	25X1	THCS Lê Văn Tám
420	419	Mai Cát	Tường	10C09	25X1	THCS Bình Quới Tây
421	430	Lê Vũ Thanh	Vân	10C09	25X3	THCS Gò Vấp
422	429	Trần Mai Thanh	Vân	10C09	25X3	THCS Cù Chính Lan
423	436	Đỗ Ngọc Tường	Vy	10C09	25X1	THCS Lê Văn Tám
424	441	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	10C09	25X1	THCS Bình Quới Tây
425	446	Trần Hà Khánh	Vy	10C09	25X3	THCS Phan Tây Hồ
426	456	Trần Lưu Minh	Yến	10C09	25X3	THCS Bình Quới Tây
427	38	Tôn Nữ Hoàng	Anh	10C10	25X4	THCS Cù Chính Lan
428	460	Vũ Nam	Anh	10C10	25X4	THCS Rạng Đông
429	94	Trần Hương	Giang	10C10	25X4	THCS Nguyễn Văn Bé
430	113	Lý Chí	Hào	10C10	25X4	THCS Phạm Văn Chiêu
431	104	Huỳnh Ngọc	Hân	10C10	25X4	THCS Nguyễn Trung Trực
432	110	Trần Ngọc	Hân	10C10	25X4	THCS Cù Chính Lan
433	132	Lê	Hùng	10C10	25X4	THCS Đồng Đa
434	154	Bùi Vũ Minh	Khang	10C10	25X4	THCS Cù Chính Lan
435	166	Nguyễn Quốc	Khang	10C10	25X4	THCS Cù Chính Lan
436	169	Nguyễn Ngọc Lê	Khanh	10C10	25X4	THCS Nguyễn Văn Trỗi
437	173	Lê Minh	Khoa	10C10	25X4	THCS Nguyễn Du
438	175	Nguyễn Hoàng Anh	Khoa	10C10	25X4	THCS Đồng Đa
439	192	Nguyễn Thị Thuý	Lam	10C10	25X4	THCS Rạng Đông
440	218	Huỳnh Lê Thảo	Ly	10C10	25X4	THCS Lý Tự Trọng
441	221	Phan Đức	Mạnh	10C10	25X4	THCS Phan Văn Trị
442	229	Chu Khoa	Nam	10C10	25X4	THCS Quang Trung
443	237	Vũ Lương Phan Kim	Ngân	10C10	25X4	THCS Hà Huy Tập
444	278	Kim Đông	Nhi	10C10	25X4	THCS Bình Quới Tây
445	280	Nguyễn Ngọc	Nhi	10C10	25X4	THCS Lam Sơn
446	282	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	10C10	25X4	THCS An Nhơn
447	287	Vũ Đào Quỳnh	Như	10C10	25X4	THCS An Nhơn
448	308	Đặng Hữu	Phước	10C10	25X4	THCS Phan Bội Châu

Số TT	Số hồ sơ	Họ và tên	Xếp lớp	Nhóm môn	Trường THCS
449	324	Phan Bảo Quyên	10C10	25X4	THCS Bình Lợi Trung
450	325	Suwane Trúc Quyên	10C10	25X4	THCS Thanh Đa
451	367	Trần Trường Thịnh	10C10	25X4	THCS Rạng Đông
452	379	Nguyễn Thanh Thủy	10C10	25X4	THPT Lương Thế Vinh
453	369	Bùi Hà Anh Thu	10C10	25X4	THCS Trương Công Định
454	390	Lâm Lê Hồng Trâm	10C10	25X4	THCS Nguyễn Du
455	394	Bùi Thái Thiên Trân	10C10	25X4	THCS An Nhơn
456	418	Trần Thanh Tùng	10C10	25X4	THCS Đống Đa
457	424	Nguyễn Hoàng Phượng Uyên	10C10	25X4	THCS Nguyễn Văn Nghi
458	428	Phạm Lương Khánh Vân	10C10	25X4	THCS Trương Công Định
459	468	Nguyễn Hoàng Khánh Vy	10C10	25X4	THCS Bình Quới Tây
460	440	Nguyễn Ngọc Phương Vy	10C10	25X4	THCS Bình Lợi Trung
461	442	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10C10	25X4	THCS Cù Chính Lan
462	443	Nguyễn Trần Phương Vy	10C10	25X4	THCS Bình Quới Tây
463	447	Trần Quỳnh Vy	10C10	25X4	THCS Thanh Đa

**Thông tin Khối lớp 10**

Nhóm	Môn lựa chọn	Chuyên đề	Số lớp	Lớp
25T1	Lý-Hoá-Tin-Sinh	Toán-Lý-Hoá	2	10C01-10C02
25T2	Lý-Hoá-Tin-GD KT&PL	Toán-Lý-Tin	3	10C03->10C05
25T3	Lý-Hoá-Tin-Địa	Toán-Lý-Hoá		
25X2	Địa-Lý-Tin-CN (CN)	Văn-Sử-Địa	2	10C06-10C07
25X1	Sinh-Địa-CN(NN)-Hoá	Văn-Sử-Địa	2	10C08-10C09
25X3	Địa-GD KT&PL-Sinh-CN (NN)	Văn-Sinh-Địa		
25X4	Địa-GD KT&PL-Sinh-ÂN	Văn-Sinh-Địa	1	10C10
		Tổng	10	10